

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 từ trang 5 đến trang 31 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vàng	Thành viên
Ông Lê Trung Dương	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Võ Phước Hồng	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 27/01/2014)
Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 28/05/2014)

**Kế toán trưởng**

Bà Trần Thị Song Giang	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2014
Ông Nguyễn Văn Sinh	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2014

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Trung Kiên**  
**Giám đốc**

*Tây Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2014*

Số: /2014/UHYHCM-BCSX

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**      **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh lập tại ngày 30/06/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1496-2013-112-1

---

**Mai Việt Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
2334-2013-112-1

***Thay mặt và đại diện cho***

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

***TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2014***

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30/06/2014

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 30/06/2014 VND</b>	<b>Tại 01/01/2014 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.567.360.542</b>	<b>66.306.791.396</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>72.054.901.292</b>	<b>53.594.647.512</b>
Tiền	111		3.154.901.292	2.694.647.512
Các khoản tương đương tiền	112		68.900.000.000	50.900.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>18.300.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		18.300.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.608.079.602</b>	<b>4.343.350.188</b>
Phải thu khách hàng	131		249.502.617	25.920.000
Trả trước cho người bán	132		1.374.851.000	3.508.216.998
Các khoản phải thu khác	135	6	983.725.985	809.213.190
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.101.875.518</b>	<b>1.519.590.946</b>
Hàng tồn kho	141	7	4.101.875.518	1.519.590.946
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.502.504.130</b>	<b>1.849.202.750</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.049.622.295	426.254.938
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.169.074.507
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	25.029.170
Tài sản ngắn hạn khác	158		452.881.835	228.844.135
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.498.180.146</b>	<b>134.773.928.500</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>129.828.062.700</b>	<b>132.625.573.281</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	129.520.992.065	132.020.416.429
- Nguyên giá	222		212.921.539.320	206.713.276.899
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.400.547.255)	(74.692.860.470)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	307.070.635	605.156.852
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>921.500.000</b>	<b>921.500.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		921.500.000	921.500.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>748.617.446</b>	<b>1.226.855.219</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	674.873.509	847.009.328
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		73.743.937	379.845.891
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>230.065.540.688</b>	<b>201.080.719.896</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.408.509.833</b>	<b>10.924.915.096</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.073.310.116</b>	<b>9.405.531.531</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	5.000.000.000
Phải trả người bán	312		1.075.397.528	705.887.000
Người mua trả tiền trước	313		25.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.880.700.033	25.559.303
Phải trả người lao động	315		1.692.636.315	3.348.721.453
Chi phí phải trả	316		27.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	372.076.240	84.706.135
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	240.657.640
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>335.199.717</b>	<b>1.519.383.565</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.368.868.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		335.199.717	150.515.565
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>222.657.030.855</b>	<b>190.155.804.800</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>222.657.030.855</b>	<b>190.155.804.800</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		63.940.000.000	31.970.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		73.282.089.121	105.252.089.121
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.000.000.000	8.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77.434.941.734	44.933.715.679
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>230.065.540.688</b>	<b>201.080.719.896</b>

Tây Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Song Giang

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	<b>86.954.665.099</b>	<b>79.046.032.745</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>86.954.665.099</b>	<b>79.046.032.745</b>
Giá vốn hàng bán	11	16	11.120.250.856	11.091.423.832
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>75.834.414.243</b>	<b>67.954.608.913</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.893.036.284	2.650.456.763
Chi phí tài chính	22	18	43.235.889	26.388.889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		43.235.889	26.388.889
Chi phí bán hàng	24	19	8.829.058.069	8.100.743.948
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	3.369.777.725	4.205.416.561
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>66.485.378.844</b>	<b>58.272.516.278</b>
Thu nhập khác	31	21	1.504.427.659	282.080.787
Chi phí khác	32		10.266.510	19.648.495
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.494.161.149</b>	<b>262.432.292</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>67.979.539.993</b>	<b>58.534.948.570</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	14.697.236.984	14.739.375.114
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	306.101.954	(89.214.348)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>52.976.201.055</b>	<b>43.884.787.804</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>8.643</b>	<b>13.727</b>

Tây Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Song Giang

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>67.979.539.993</b>	<b>58.534.948.570</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		8.728.571.785	8.760.077.437
(Lãi), lỗ hoạt động đầu tư	5		(2.893.036.284)	(2.650.456.763)
Chi phí lãi vay	6		43.235.889	26.388.889
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>73.858.311.383</b>	<b>64.670.958.133</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	9		4.028.643.982	9.150.561.417
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(2.582.284.572)	85.585.244
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		(1.555.476.669)	(1.140.955.209)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(451.231.538)	(263.699.999)
Tiền lãi vay đã trả	13		(43.235.889)	(26.388.889)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.937.187.830)	(9.780.804.357)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.953.321.370)	(11.923.718.429)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>59.364.217.497</b>	<b>50.771.537.911</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(6.536.218.056)	(30.697.233.093)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(165.400.000.000)	(18.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		152.100.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		2.220.254.339	2.536.769.262
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.615.963.717)</b>	<b>(46.160.463.831)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.277.200.000	10.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.277.200.000)	(10.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.288.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(23.288.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>18.460.253.780</b>	<b>4.611.074.080</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>53.594.647.512</b>	<b>61.859.314.554</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>72.054.901.292</b>	<b>66.470.388.634</b>

Tây Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị song Giang

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10/01/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 18 tháng 03 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009. Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 05/10/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 63.940.000.000 đồng được chia thành 6.394.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Cụ thể: vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt;
- Vận tải hành hóa bằng đường bộ. Cụ thể: vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện cáp treo;
- Quảng cáo;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Cụ thể: Đại lý ký gởi hành hóa;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.5 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN*****Trả trước tiền thuê đất***

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước cho phần đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp)*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO và chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tiền mặt</i>	340.978.000	555.578.000
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	2.813.923.292	2.139.069.512
<i>Các khoản tương đương tiền (*)</i>	68.900.000.000	50.900.000.000
+ NH Công thương Hòa thành - Tây Ninh	12.500.000.000	12.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt Tây Ninh	13.400.000.000	12.900.000.000
+ Ngân hàng Công thương Tây Ninh	4.500.000.000	2.500.000.000
+ NH TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	-	8.000.000.000
+ NH Nông nghiệp & Phát Triển Nông Thôn TN	3.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	35.500.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>72.054.901.292</b>	<b>53.594.647.512</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5% - 6% (năm 2013: lãi suất từ 6% - 8%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (\*)**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Tây Ninh	-	3.000.000.000
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	3.800.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Công thương Tây Ninh	1.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	9.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Tây Ninh	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.300.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,9% - 7,5%.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu ngân hàng	672.781.945	772.250.000
+ NH Công Thương Hòa Thành Tây Ninh	152.944.444	303.055.556
+ Ngân hàng Công Thương Tây Ninh	70.958.333	22.972.223
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	31.700.000	136.888.889
+ Ngân hàng Đại Chúng Tây Ninh	224.116.668	76.999.999
+ Ngân hàng Bản Việt Tây Ninh	78.500.000	90.999.999
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Tây Ninh	102.187.500	-
+ Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Tây Ninh	12.375.000	141.333.334
Tiền thuế TNCN	34.477.830	36.963.190
Công ty Bảo Hiểm PVI Bình Dương	95.701.000	-
Phải thu khác	180.765.210	-
<b>Cộng</b>	<b>983.725.985</b>	<b>809.213.190</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.101.875.518	1.519.590.946
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>4.101.875.518</b>	<b>1.519.590.946</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>49.380.158.045</b>	<b>150.114.619.078</b>	<b>1.277.528.339</b>	<b>4.614.546.312</b>	<b>1.326.425.125</b>	<b>206.713.276.899</b>
- Mua trong kỳ	-	-	770.000.000	-	69.540.000	839.540.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.069.502.997	835.407.241	-	13.323.767	471.373.416	5.389.607.421
- Giảm do phân loại lại	(523.468.588)	(9.310.473.386)	-	-	(235.000.000)	(10.068.941.974)
- Tăng do phân loại lại	1.031.568.390	8.481.426.324	-	453.558.232	102.389.028	10.068.941.974
- Giảm khác (*)	(20.885.000)	-	-	-	-	(20.885.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>53.936.875.844</b>	<b>150.120.979.257</b>	<b>2.047.528.339</b>	<b>5.081.428.311</b>	<b>1.734.727.569</b>	<b>212.921.539.320</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>16.515.970.327</b>	<b>56.637.304.817</b>	<b>642.364.290</b>	<b>749.840.467</b>	<b>147.380.569</b>	<b>74.692.860.470</b>
- Khấu hao trong kỳ	2.310.125.793	5.851.249.734	111.818.407	375.393.648	79.984.203	8.728.571.785
- Tăng do phân loại lại	80.885.885	-	-	-	-	80.885.885
- Giảm do phân loại lại	-	(55.881.240)	(64.372)	(10.580.664)	(14.359.609)	(80.885.885)
- Giảm khác (*)	(20.885.000)	-	-	-	-	(20.885.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>18.886.097.005</b>	<b>62.432.673.311</b>	<b>754.118.325</b>	<b>1.114.653.451</b>	<b>213.005.163</b>	<b>83.400.547.255</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>32.864.187.718</b>	<b>93.477.314.261</b>	<b>635.164.049</b>	<b>3.864.705.845</b>	<b>1.179.044.556</b>	<b>132.020.416.429</b>
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>35.050.778.839</b>	<b>87.688.305.946</b>	<b>1.293.410.014</b>	<b>3.966.774.860</b>	<b>1.521.722.406</b>	<b>129.520.992.065</b>

(\*): Giảm nguyên giá và giá trị còn lại của một số tài sản không đủ tiêu chuẩn được ghi nhận là tài sản cố định theo quy định của tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hệ thống cáp treo công nghệ Châu Âu	-	605.156.852
Chi phí lập báo cáo công trình cung cấp nước sinh hoạt	120.195.180	-
Chi phí tư vấn thiết kế	159.598.182	-
Chi phí tư vấn thẩm tra bãi xe Vip, xe lửa, xe điện	7.851.818	-
Chi phí tư vấn thẩm tra hạng mục lối đi bộ	7.573.636	-
Chi phí tư vấn thẩm tra khu bán đồ cúng, đồ lưu niệm	7.006.364	-
Chi phí tư vấn thẩm tra khu nhà wc, quầy giải khát	4.845.455	-
<b>Cộng</b>	<b>307.070.635</b>	<b>605.156.852</b>

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hoà Bình Tây Ninh với giá trị vốn góp là 921.500.000 VNĐ, chiếm tỷ lệ 5,64% vốn điều lệ của Công ty này.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí thay cáp tuyến máng trượt, hộp số cáp treo	229.473.497	458.946.989
Công cụ dụng cụ sửa chữa	284.288.372	240.145.922
Chi phí điện thoại	1.562.497	2.187.499
Chi phí quảng cáo	72.229.786	43.548.056
Chi phí thuế nhập khẩu thiết bị cáp treo	44.168.449	28.267.540
Chi phí xây 13 bồn kiếng	14.723.482	21.518.938
Điều chỉnh tài sản cố định theo TT 45	28.427.426	52.394.384
<b>Cộng</b>	<b>674.873.509</b>	<b>847.009.328</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Tại 30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	-	6.257.620.954	6.117.892.428	<b>139.728.526</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.664.744	37.664.744	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	(25.029.170)	14.697.236.984	10.937.187.830	<b>3.735.019.984</b>
Thuế thu nhập cá nhân	22.059.303	44.140.390	63.748.170	<b>2.451.523</b>
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	362.144.307	362.144.307	-
Các loại thuế khác	-	22.717.076	22.717.076	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.500.000	184.803.000	184.803.000	<b>3.500.000</b>
<b>Cộng thuế phải nộp</b>	<b>25.559.303</b>	<b>21.606.327.455</b>	<b>17.726.157.555</b>	<b>3.880.700.033</b>

(\*) Số dư đầu kỳ được phản ánh ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	40.555.510	17.795.170
Bảo hiểm xã hội	21.530.382	16.390.012
Tiền bảo hành công trình	117.920.953	50.520.953
- Công ty Cổ Phần Ngọc Phúc	98.250.000	30.850.000
- Công ty TNHH Kim Sơn	7.270.953	7.270.953
- Công Ty TNHH Phước Mai	12.400.000	12.400.000
Ban quản lý dự án cấp treo Châu Âu	192.069.395	-
<b>Cộng</b>	<b>372.076.240</b>	<b>84.706.135</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****14.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 63.940.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), chia thành 6.394.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương Mại Tây Ninh nắm giữ 3.261.040 cổ phần tương ứng với 32.610.400.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.132.960 cổ phần tương ứng với 31.329.600 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****14.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết vốn góp của của Công ty tại 30/06/2014 như sau:

<i>Chủ sở hữu</i>	<i>Tại 30/06/2014</i>		<i>Tại 01/01/2014</i>	
	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Công ty Cổ Phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	51%	32.610.400.000	51%	16.305.200.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9%	6.000.000.000	9%	3.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	7%	4.229.800.000	7%	2.114.900.000
Cổ đông khác	33%	21.099.800.000	33%	10.549.900.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>63.940.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.970.000.000</b>

**14.2 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	6.394.000	3.197.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	6.394.000	3.197.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	6.394.000	3.197.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.394.000	3.197.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	6.394.000	3.197.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**14.3 CÁC QUỸ**

	<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Tại 01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	73.282.089.121	105.252.089.121
- Quỹ dự phòng tài chính	8.000.000.000	8.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****14.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>31.970.000.000</b>	<b>77.382.028.559</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>51.049.060.562</b>	<b>168.401.089.121</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	47.568.715.679	47.568.715.679
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2013	-	-	-	(2.095.000.000)	(2.095.000.000)
- Chia cổ tức 2012	-	-	-	(22.379.000.000)	(22.379.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	27.870.060.562	-	(27.870.060.562)	-
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(1.340.000.000)	(1.340.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>31.970.000.000</b>	<b>105.252.089.121</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>44.933.715.679</b>	<b>190.155.804.800</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>31.970.000.000</b>	<b>105.252.089.121</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>44.933.715.679</b>	<b>190.155.804.800</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	52.976.201.055	52.976.201.055
- Chia cổ tức 2013	-	-	-	(18.288.000.000)	(18.288.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.216.975.000)	(1.216.975.000)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(970.000.000)	(970.000.000)
- Tăng khác (*)	31.970.000.000	-	-	-	31.970.000.000
- Giảm khác (*)	-	(31.970.000.000)	-	-	(31.970.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>63.940.000.000</b>	<b>73.282.089.121</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>77.434.941.734</b>	<b>222.657.030.855</b>

(\*) Trong năm 2014, Công ty đã phát hành thêm 3.197.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động vận chuyển	86.516.333.235	78.629.256.458
Doanh thu hoạt động quảng cáo	312.877.315	301.276.699
Doanh thu hoạt động khác	125.454.549	115.499.588
<b>Cộng</b>	<b>86.954.665.099</b>	<b>79.046.032.745</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động vận chuyển	11.064.194.516	11.032.943.447
Giá vốn hoạt động quảng cáo	40.012.508	42.273.944
Giá vốn hoạt động khác	16.043.832	16.206.441
<b>Cộng</b>	<b>11.120.250.856</b>	<b>11.091.423.832</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.893.036.284	2.650.456.763
<b>Cộng</b>	<b>2.893.036.284</b>	<b>2.650.456.763</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	43.235.889	26.388.889
<b>Cộng</b>	<b>43.235.889</b>	<b>26.388.889</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Chi phí nhân công	5.588.796.748	4.867.517.246
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.448.918.681	343.271.048
Chi phí dụng cụ đồ dùng	91.990.789	127.115.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.519.731	820.311.424
Chi phí khác bằng tiền	900.832.120	1.942.528.467
<b>Cộng</b>	<b>8.829.058.069</b>	<b>8.100.743.948</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Chi phí nhân viên	2.474.768.587	2.300.463.451
Chi phí nguyên vật liệu	33.962.338	22.002.753
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	59.669.692	52.146.057
Thuế, phí và lệ phí	182.572.154	177.010.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.566.289	512.395.800
Chi phí bằng tiền khác	523.238.665	1.141.398.196
<b>Cộng</b>	<b>3.369.777.725</b>	<b>4.205.416.561</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	65.454.545
Thu tiền điện các hộ kinh doanh	43.325.456	113.548.908
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.368.868.000	-
Tiền tài trợ từ phí bảo hiểm vé	92.233.000	-
Thu khác	1.203	103.077.334
<b>Cộng</b>	<b>1.504.427.659</b>	<b>282.080.787</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>67.979.539.993</b>	<b>58.534.948.570</b>
<b>Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>345.466.227</b>	<b>481.543.438</b>
+ Chi phí không được trừ	10.266.510	
+ Doanh thu chưa thực hiện năm nay	335.199.717	
<b>Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.519.383.565)</b>	<b>(58.991.551)</b>
+ Quỹ trợ cấp mất việc làm	(1.368.868.000)	-
+ Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(150.515.565)	(58.991.551)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>66.805.622.655</b>	<b>58.957.500.457</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.697.236.984</b>	<b>14.739.375.114</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(73.743.938)	(112.799.517)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	379.845.891	23.585.169
<b>Cộng</b>	<b>306.101.953</b>	<b>(89.214.348)</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>52.976.201.055</b>	<b>43.884.787.804</b>
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	6.129.055	3.197.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)</b>	<b>8.643</b>	<b>13.727</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	1.075.397.528	-	-	1.075.397.528
Các khoản phải trả khác	372.076.240	-	-	372.076.240
<b>Cộng</b>	<b>1.474.973.768</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.474.973.768</b>

  

<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	705.887.000	-	-	705.887.000
Các khoản phải trả khác	84.706.135	-	-	84.706.135
<b>Cộng</b>	<b>790.593.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>790.593.135</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.054.901.292	-	-	72.054.901.292
Đầu tư ngắn hạn	18.300.000.000	-	-	18.300.000.000
Phải thu khách hàng	249.502.617	-	-	249.502.617
Đầu tư dài hạn khác	-	-	921.500.000	921.500.000
Các khoản phải thu khác	983.725.985	-	-	983.725.985
<b>Cộng</b>	<b>91.588.129.894</b>	<b>-</b>	<b>921.500.000</b>	<b>92.509.629.894</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.594.647.512	-	-	53.594.647.512
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.920.000	-	-	25.920.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	921.500.000	921.500.000
Các khoản phải thu khác	809.213.190	-	-	809.213.190
<b>Cộng</b>	<b>59.429.780.702</b>	<b>-</b>	<b>921.500.000</b>	<b>60.351.280.702</b>

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động vận chuyển, hoạt động quảng cáo và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận như sau:

- Bộ phận vận chuyển: Vận chuyển du khách và hàng hoá bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, xe lửa.
- Bộ phận quảng cáo: Cho thuê quảng cáo trên vé, trên cabin hoặc trên xe lửa.
- Bộ phận khác: cho thuê mặt bằng, hoạt động khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra khu vực kinh doanh của Công ty (Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

<b>Tại 30/06/2014</b>	<b>Kinh doanh vận chuyển VND</b>	<b>Kinh doanh quảng cáo VND</b>	<b>Dịch vụ khác VND</b>	<b>Không phân bổ VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản theo bộ phận	209.277.822.314	151.567.617	-	-	209.429.389.931
Tài sản không phân bổ	-	-	-	20.636.150.757	20.636.150.757
<b>Tổng tài sản</b>	<b>209.277.822.314</b>	<b>151.567.617</b>	<b>-</b>	<b>20.636.150.757</b>	<b>230.065.540.688</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả theo bộ phận	1.385.387.876	360.199.717	-	-	1.745.587.593
Nợ phải trả phân bổ	5.572.602.957	20.152.739	8.080.652	-	5.600.836.348
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	62.085.892	62.085.892
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>6.957.990.833</b>	<b>380.352.456</b>	<b>8.080.652</b>	<b>62.085.892</b>	<b>7.408.509.833</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>					
<b>Tài sản</b>					
Tài sản theo bộ phận	193.747.355.220	-	25.920.000	-	193.773.275.220
Tài sản không phân bổ	-	-	-	7.307.444.676	7.307.444.676
<b>Tổng tài sản</b>	<b>193.747.355.220</b>	<b>-</b>	<b>25.920.000</b>	<b>7.307.444.676</b>	<b>201.080.719.896</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả theo bộ phận	756.407.953	150.515.565	-	-	906.923.518
Nợ phải trả phân bổ	3.330.295.360	26.820.955	17.164.441	-	3.374.280.756
Nợ phải trả không theo bộ phận	-	-	-	6.643.710.822	6.643.710.822
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.086.703.313</b>	<b>177.336.520</b>	<b>17.164.441</b>	<b>6.643.710.822</b>	<b>10.924.915.096</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP).**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Kinh doanh vận chuyển VND</b>	<b>Kinh doanh quảng cáo VND</b>	<b>Dịch vụ khác VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng	86.516.333.235	312.877.315	125.454.549	86.954.665.099
<b><i>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>	<b><i>86.516.333.235</i></b>	<b><i>312.877.315</i></b>	<b><i>125.454.549</i></b>	<b><i>86.954.665.099</i></b>
Chi phí bộ phận	23.201.536.905	83.905.944	33.643.801	23.319.086.650
<b><i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i></b>	<b><i>63.314.796.330</i></b>	<b><i>228.971.371</i></b>	<b><i>91.810.748</i></b>	<b><i>63.635.578.449</i></b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.893.036.284
Chi phí tài chính	-	-	-	(43.235.889)
Thu nhập khác	-	-	-	1.504.427.659
Chi phí khác	-	-	-	(10.266.510)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(14.697.236.984)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(306.101.954)
<b><i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i></b>				<b><i>52.976.201.055</i></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP).**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

**Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

	<b>Kinh doanh vận chuyển VND</b>	<b>Kinh doanh quảng cáo VND</b>	<b>Dịch vụ khác VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng	78.629.256.458	301.276.699	115.499.588	79.046.032.745
<b><i>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>	<b><i>78.629.256.458</i></b>	<b><i>301.276.699</i></b>	<b><i>115.499.588</i></b>	<b><i>79.046.032.745</i></b>
Chi phí bộ phận	23.274.218.778	89.177.745	34.187.818	23.397.584.341
Chi phí lãi vay	26.388.889	-	-	26.388.889
<b><i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i></b>	<b><i>55.328.648.791</i></b>	<b><i>212.098.954</i></b>	<b><i>81.311.770</i></b>	<b><i>55.622.059.515</i></b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.650.456.763
Thu nhập khác	-	-	-	282.080.787
Chi phí khác	-	-	-	(19.648.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(14.739.375.114)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	89.214.348
<b><i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i></b>				<b><i>43.884.787.804</i></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****27.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	270.000.000	270.000.000
Trích thưởng	700.000.000	800.000.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	831.313.678	478.145.077
<b>Cộng</b>	<b>1.801.313.678</b>	<b>1.548.145.077</b>

**27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh.

<b><u>Các bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ
Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	Công ty liên quan
Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Công ty liên quan
Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
<b>Mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan</b>	<b>1.052.800.000</b>	<b>1.435.835.456</b>
- Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	1.052.800.000	1.435.835.456

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>Tại ngày 30/06/2014 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>97.935.000</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	97.935.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>34.477.830</b>	<b>36.963.190</b>
- Ông Trần Trung Kiên	34.477.830	36.963.190
<b>Phải trả người bán</b>	<b>86.400.000</b>	<b>-</b>
- Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	86.400.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27.3 THÔNG TIN KHÁC****Cam kết thuê hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, chi tiết cụ thể:

+ Diện tích đất 19.093,8 m<sup>2</sup> tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m<sup>2</sup>/năm;

+ Diện tích đất 266.041,1 m<sup>2</sup> tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m<sup>2</sup>/năm.

- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m<sup>2</sup> đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m<sup>2</sup>/năm.

**27.4 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	42,84	43,99
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	57,29	56,01
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	3,22	17,90
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	96,78	82,10
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	13,94	5,59
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	13,36	2,57
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	10,19	2,53
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	78,18	74,05
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	60,92	55,52
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản bình quân	%	31,53	28,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	24,57	21,68
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân</b>	%	25,67	24,71

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**27.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt.

*Tây Ninh, ngày 04 tháng 08 năm 2014*

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Thị Song Giang****Trần Thị Song Giang****Trần Trung Kiên**